

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-PT

Ngày: 19-3-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản và mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Ông Huỳnh Châu Thạch

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**
Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện DL bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐ-PT ngày 22/02/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Kim Ng**, sinh năm 1972;
Trú tại: Số 388 thôn 6, xã TCh, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Vợ chồng bà **Thân Thị M**, sinh năm 1971;
Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1968;
Trú tại: Số 06 thôn 2, xã ĐTT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà M: Luật sư Lê Cao T – Văn phòng luật sư BT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- **Người kháng cáo:** bị đơn bà Thân Thị M.

(Bà Ng, bà M, luật sư T có mặt; ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 29/01/2018, bản tự khai của nguyên đơn:

Do quen biết nên bà có bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và cho vợ chồng bà Thân Thị M, ông Nguyễn Văn D vay tiền. Tính đến ngày 20/6/2014 vợ chồng bà M, ông D còn nợ số tiền 191.970.000 đồng nên bà M đã viết giấy đề xác nhận nợ và hẹn cuối tháng sẽ trả. Đến hẹn bà M không thực hiện nghĩa vụ như cam kết và cho đến ngày 19/3/2017 do chưa trả nợ nên bà M tiếp tục viết giấy khát nợ số tiền 191.970.000 đồng vào ngày 20/6/2014 và hẹn ngày 20/4/2017 sẽ trả nợ. Đến hẹn bà M vẫn không trả được nợ nên bà Ng đã làm đơn gửi UBND xã ĐTT, huyện DL nhờ can thiệp.

Tại biên bản hòa giải tại UBND xã ĐTT ngày 17/5/2017 bà M thừa nhận có nợ bà Ng số tiền trên và hẹn đến cuối năm thanh toán, nhưng đến nay bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù trong giấy khát nợ chỉ có bà M ký nhận nhưng thời điểm vay tiền giữa bà M và ông D đang tồn tại quan hệ hôn nhân, tiền vay sử dụng chung cho nhu cầu sinh hoạt gia đình nên bà xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà M, ông D có trách nhiệm trả cho bà số tiền 191.700.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả 0,75%/tháng trên nợ gốc từ ngày 01/7/2014 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Khoảng tháng 9/2014 vợ chồng bà M, ông D có nhờ bà làm thủ tục giấy tờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích sau khi có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ vay tiền trả cho bà. Nay bà Ng đã làm xong thủ tục và nhận 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng vợ chồng bà M, ông D. Bà đồng ý trả lại giấy chứng nhận nhưng yêu cầu vợ chồng bà M, ông D có nghĩa vụ trả cho bà tiền chi phí làm thủ tục là 4.786.513 đồng.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Bản chính giấy khát nợ ngày 20/6/2014; Bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên người sử dụng ông Nguyễn Văn D, bà Thân Thị M; Bản chính Biên bản hòa giải ngày 17/5/2017 tại UBND xã ĐTT; Các biên lai, hóa đơn nộp tiền lệ phí.

Bị đơn bà Thân Thị M trình bày:

Bà M thừa nhận Giấy khát nợ ghi ngày 20/6/2014 có nội dung bà khát nợ bà Ng số tiền 191.970.000 đồng là do bà viết và ký tên. Bà M có tham gia hòa giải và ký vào biên bản hòa giải ngày 17/5/2017 tại UBND xã ĐTT.

Nguồn gốc số tiền này do bà mua 02 đợt phân bón, chốt cà phê non của bà Ng, sau đó bà Ng tính lãi suất cao nên chốt thành số tiền nợ trên và yêu cầu bà viết giấy khát nợ. Trong số nợ trên bà M chơi với bà Ng một chân huê, áp thảo 5.000.000 đồng/01 phần, đây huê có 30 chân huê, bà Ng làm cái, tới kỳ sổ huê ngày 05/6/2016 bà Ng tự ý hốt chân huê của bà số tiền 121.560.000 đồng rồi tự ý giữ luôn, bà Ng hứa cản trừ vào số tiền 20.000.000 đồng nhưng không xác định rõ thời điểm trả nợ.

Như vậy, tổng số tiền bà M đã trả bà Ng là 141.560.000 đồng (trong đó 121.560.000 đồng tiền huê, 20.000.000 đồng tiền mặt). Số tiền còn lại bà M

đồng ý trả cho bà Ng nhưng yêu cầu không tính lãi, bà xác định đây là nghĩa vụ của riêng bà, không liên quan đến ông D.

Đối với việc bà Ng có yêu cầu bà trả số tiền 4.786.513đ chi phí làm giấy tờ đất đai thì bà đồng ý nhưng yêu cầu bà Ng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BV 013673 đối với thửa 166 và BV 013672 đối với thửa 142 do UBND huyện DL cấp ngày 12/9/2014 đứng tên vợ chồng bà Thân Thị M, ông Nguyễn Văn D.

Tài liệu chứng cứ, chứng minh cho việc chơi huê: Bản chính 01 tờ giấy không tiêu đề được cắt ra từ vở học sinh gồm 01 mặt nội dung thể hiện dòng trên cùng góc trái có ghi “ $8/2 \rightarrow 16/1 = 338N \times 3 \times 40.000 = 13.520.000...$ ” dòng cuối cùng bên góc phải tờ giấy có ghi: “*trả 20.000.000*”. Toàn bộ nội dung được viết bằng mực màu xanh; Bản chính 01 tờ giấy không tiêu đề được cắt ra từ vở học sinh gồm 01 mặt nội dung thể hiện dòng trên cùng có ghi “*Nga Ngày 5 tháng 2. Huê cô Ng, dòng thứ 2 ghi: “Năm 2015...”*” dòng cuối cùng có ghi: “*24/1/2016 cháu đcn nga 5.000*” được ghi bằng mực màu đen; Bản chính: Mặt sau của tờ lịch Thứ bảy ngày 24 tháng 1 năm giáp ngọ thể hiện nội dung dòng trên cùng ghi: “*12 chết = 60.000.000...*”, dòng cuối cùng bên góc phải có ghi: “*còn 158.595.000 được đóng khung*”. Toàn bộ nội dung được viết bằng mực màu xanh.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện DL đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Ng về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay và mua bán tài sản, kiện đòi tài sản*”.

Buộc vợ chồng bà Thân Thị M, ông Nguyễn Văn D cùng có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Kim Ng số tiền 271.246.000 đồng.

Giao trả cho vợ chồng bà Thân Thị M, ông Nguyễn Văn D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BV 013673 do UBND huyện DL cấp ngày 12/9/2014 đối với thửa 166, tờ bản đồ số 9, xã Tân Lâm và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BV 013672 do UBND huyện DL cấp ngày 12/9/2014 đối với thửa 142, tờ bản đồ số 9, xã Tân Lâm đứng tên người sử dụng đất vợ chồng bà Thân Thị M, ông Nguyễn Văn D.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/11/2018 bị đơn bà Thân Thị M kháng cáo cho rằng bà đã trả nợ cho bà Ng số tiền 141.560.000đồng và chỉ còn nợ bà Ng số tiền

50.410.000đồng; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị đơn bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư T đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Nguyên đơn bà Ng không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc mua phân bón, cà phê và vay mượn tiền nhiều lần nên ngày 20/6/2014 bị đơn có viết “Giấy khát nợ” với nội dung xác nhận nợ nguyên đơn số tiền 191.970.000 đồng (BL22). Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 191.700.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả 0,75%/tháng từ ngày 01/7/2014 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 01/11/2018. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay và mua bán tài sản” là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng:

Căn cứ vào “Giấy khát nợ” ghi ngày 20/6/2014 và biên bản hòa giải ngày 05/10/2018 (BL96), bị đơn bà M đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà Ng số tiền 191.700.000đ. Tuy nhiên, bà M cho rằng đã thanh toán cho bà Ng 141.560.000đ, trong đó có 121.560.000đ tiền huê và 20.000.000đ tiền mặt.

Xét thấy, số tiền 20.000.000đ mà bà M cho rằng đã trả cho bà Ng thì bà M không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Bà M cũng không xác định được trả số tiền trên vào thời gian nào; phía bà Ng không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét.

Đối với số tiền chơi huê 121.560.000 đồng mà bà M cho rằng bà Ng đã hót huê của bà M vào ngày 05/6/2016 thì : Tài liệu chứng cứ do bà M đưa ra không thể hiện nội dung căn trừ số tiền huê vào số tiền nợ, bà Ng không ký nhận vào các tài liệu này và không thừa nhận. Do đó, không có cơ sở để căn trừ số tiền này vào khoản tiền bà M nợ bà Ng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà M trình bày không có đơn yêu cầu phản tố đối với bà Ng. Vì vậy, nếu bà M có tranh chấp về huê với bà Ng thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về lãi suất: bà Ng yêu cầu tính lãi suất chậm trả 0,75%/tháng kể từ ngày 01/7/2014 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 01/11/2018. Như vậy, số tiền lãi bị đơn phải chịu là: 52 tháng x 191.700.000 đồng x 0,75%/tháng = 74.763.000đ. Do đó, cần xác định số tiền gốc và lãi mà bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho

nguyên đơn là $191.700.000đ + 74.763.000đ = 266.463.000đ$. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 266.460.000đ là có sai sót. Vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm về phần này là phù hợp.

[4] Bà Ng có yêu cầu bà M, ông D thanh toán số tiền 4.786.513đ chi phí làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phía bà M, ông D đồng ý và không tranh chấp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 4.786.513đ và buộc nguyên đơn giao trả cho bị đơn các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bị đơn là có căn cứ.

Như vậy, tổng số tiền phía bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là $266.463.000đ + 4.786.513đ = 271.249.513đ$ đồng.

Từ những phân tích trên thấy rằng, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định là có căn cứ.

[5] Về án phí: Bị đơn bà M, ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $271.249.513đ \times 5\% = 13.562.475đ$. Do sửa án nên bà M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Thân Thị M. Sửa bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Ng về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay và mua bán tài sản, kiện đòi tài sản*”.

Buộc vợ chồng bà Thân Thị M, ông Nguyễn Văn D cùng có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Kim Ng số tiền 271.249.513 đồng (hai trăm bảy mươi một triệu, hai trăm bốn mươi chín ngàn, năm trăm mười ba đồng).

2. Bà Võ Thị Kim Ng có trách nhiệm giao trả cho vợ chồng bà Thân Thị M, ông Nguyễn Văn D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BV 013673 do UBND huyện DL cấp ngày 12/9/2014 đối với thửa 166, tờ bản đồ số 9, xã Tân Lâm, huyện DL và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BV 013672 do UBND huyện DL cấp ngày 12/9/2014 đối với thửa 142, tờ bản đồ số 9, xã Tân Lâm, huyện DL đứng tên người sử dụng đất vợ chồng bà Thân Thị M, ông Nguyễn Văn D.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Hoàn trả cho bà Võ Thị Kim Ng số tiền 6.436.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003270 ngày 19/3/2018 và 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0009130 ngày 16/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DL.

Vợ chồng bà Thân Thị M, ông Nguyễn Văn D phải chịu 13.562.475 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009285 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DL. Bà M, ông D còn phải nộp 13.262.475 đồng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LD;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện DL;
- Chi cục THADS huyện DL;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Hữu Nhân